

Phi, tần triều Nguyễn (1802-1840): danh phận và địa vị

Nguyễn Thị Thu Thủy¹, Nguyễn Mạnh Hùng²

¹ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Email: thuynt@hnue.edu.vn

² Trường Trung học phổ thông Việt Hoàng, Hà Nội.

Email: manhhung29111995@gmail.com

Nhận ngày 19 tháng 1 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Tóm tắt: Hậu phi là quy định và trật tự của phi, tần và cung nữ của một triều đại. Những nhân vật quan trọng nhất trong chế độ hậu phi là hoàng hậu và các phi, tần. Chế độ hậu phi triều Nguyễn (triều đại quân chủ cuối cùng trong lịch sử Việt Nam) lấy hoàng đế làm trung tâm, tuân theo trật tự tôn ti với thứ bậc nghiêm ngặt, quy định danh phận và chức trách rõ ràng. Tuy nhiên, dưới triều Nguyễn, trừ Thừa Thiên Cao Hoàng hậu và Nam Phương Hoàng hậu, chức cao nhất trong hậu cung là Hoàng Quý phi. Bài viết bàn về danh phận và địa vị của phi, tần triều Nguyễn dưới thời vua Gia Long và Minh Mệnh qua việc tìm hiểu sự phân chia cấp bậc của phi, tần; chế độ lương, bổng của phi, tần; trang phục, chỗ ở, lăng mộ của các phi, tần; địa vị của các phi, tần trong hậu cung triều Nguyễn.

Từ khoá: Phi, tần, hậu cung, triều Nguyễn.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: The regime of *Hậu phi* (lit. queens and royal concubines) provides regulations and order of the imperial harem of the dynasty. The most important characters of the regime were the queens and the imperial concubines named as *phi* and *tần*. The regime of the Nguyen Dynasty, the last monarchy in the history of Vietnam was emperor-centred, with strictly defined hierarchy and positions and responsibilities. However, under the dynasty, except for the two cases of *Thừa Thiên Cao* and *Nam Phương* queens, the highest position in the harem was *Hoàng Quý phi* (lit. Royal Noble Concubine). The authors discuss the titles and positions of the imperial concubines of the dynasty under the reign of kings Gia Long and Minh Menh by studying their hierarchy, salaries, allowances; costumes, dwellings and tombs; and statuses.

Keywords: Imperial concubines, back palace (imperial harem), Nguyen dynasty.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Hậu cung là một mảnh ghép quan trọng trong lịch sử chế độ quân chủ Việt Nam. Người xưa có câu “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” để nói về việc ổn định việc yên bề gia thất, ổn định việc trong nhà thì mới có thể làm được những điều lớn lao như “trị quốc, bình thiên hạ”. Trong lịch sử Việt Nam và Trung Quốc, đã có không ít các triều đại sụp đổ vì dòng họ ngoại thích, sự chuyên quyền của những nhân vật có uy thế trong chốn hậu cung đã khiến cho nhiều triều đại phải thay tên đổi họ, đó là những bài học lịch sử khi triều đình coi thường uy quyền của những người phụ nữ trong cung.

Hậu cung triều Nguyễn nói chung và dưới thời vua Gia Long và Minh Mệnh nói riêng là mảnh ghép vô cùng quan trọng trong việc khôi phục lại hình ảnh toàn vẹn của lịch sử chế độ quân chủ Việt Nam. Từ những năm 90 của thế kỉ XX đã có một số tác phẩm đề cập tới hậu cung triều Nguyễn.

Tôn Thất Bính (một trong những người đầu tiên nghiên cứu và tìm hiểu về đời sống của hoàng tộc nhà Nguyễn) có hai tác phẩm đề cập tới vấn đề này. Tác phẩm thứ nhất là *Đời sống cung đình triều Nguyễn* [1], tác phẩm này đã trình bày những sinh hoạt thường nhật của vua Nguyễn và một số nghi lễ trong hoàng tộc như: lễ tết nguyên đán, lễ đại triều và thường triều, lễ tứ tuần đại khánh... Trong một tác phẩm khác của ông về *Đời sống trong Tử Cấm Thành* [2], Tôn Thất Bính dành một phần nhỏ với tiêu đề “Đời sống và thân phận các cung phi, mỹ nữ trong Tử Cấm Thành” để nói về thứ bậc phi, tần triều Nguyễn. Tác giả khẳng định, nhà Nguyễn đặt ra Cửu giai cho các phi, tần, gồm: Nhất giai phi, Nhị giai phi, Tam giai tần, Tứ giai tần, Ngũ giai Tiệp dư, Lục giai Tiệp dư, Thất giai Quý nhân, Bát

giai Mỹ nhân, Cửu giai Tài nhân. Ngoài ra, cuốn sách cũng đề cập thêm một góc sinh hoạt của Hoàng hậu triều Nguyễn thông qua lăng kính của Michel Đức Chaigneau và một số hình thức giải trí của cung tần như: xem kịch ở Duyệt Thị Đường, ngồi câu cá ở Trường Du Tạ, hay đọc một số cuốn sách sử Trung Quốc... Tuy nhiên, Cửu giai được đặt ra từ lúc nào, dưới thời vua nào? Cửu giai gồm những vị hiệu nào? vẫn chưa được làm rõ trong cuốn sách này.

Cuốn sách *Đại Nam hậu phi hoàng tử* [3] miêu tả đời sống trong hậu cung triều Nguyễn thông qua một số câu chuyện trong *Đại Nam liệt truyện*. Về sau, Nguyễn Đắc Xuân trong tác phẩm *Chuyện các bà trong cung Nguyễn* [7] cũng miêu tả khá sinh động những câu chuyện xung quanh đời sống của các bà phi triều Nguyễn dưới dạng các câu chuyện.

Kế thừa những thành quả nghiên cứu trên, việc tiếp tục tìm hiểu về hậu cung triều Nguyễn sẽ là tiền đề quan trọng trong việc phục dựng chế độ hậu phi trong lịch sử Việt Nam.

2. Danh phận

Danh phận của phi, tần triều Nguyễn được quy định bởi thứ bậc, lương, bổng, quy cách trang phục, nơi ở và quy chế về lăng mộ.

2.1. Thứ bậc

Tục ngữ có câu “Hậu cung phần đại tam niên”, đại ý rằng trong hậu cung có tới ba nghìn cung tần mỹ nữ. Câu nói này thực tế chỉ có thể đúng với các triều đại quân chủ Trung Quốc. Thực chất, hậu cung triều Nguyễn nếu tính cả phi, tần của Hoàng đế và cung nữ, nữ quan thì không quá 500 người.

Có lẽ dưới triều Minh Mệnh, số lượng cung tần mỹ nữ là nhiều nhất. Mặc dù không có tài liệu nào ghi chép đầy đủ về số lượng cung nữ trong cung nhưng qua sự kiện vào tháng Giêng năm Minh Mệnh thứ 7 (1826) để cầu mưa chống hạn, vua Minh Mệnh đã ra lệnh cho xuất cung 100 người cung nữ về quê để giải trừ âm khí ở thâm cung, bớt nạn thiên tai đã cho thấy, số lượng cung tần mỹ nữ dưới triều vua Minh Mệnh không phải là ít. Vì vậy, thứ bậc của phi, tần trong cung là một vấn đề rất quan trọng cần được đặt ra để tiện quản lí cũng như hạn chế quyền lực của bộ phận này trong Tử Cấm Thành.

Thứ bậc phi, tần triều Nguyễn được đặt ra lần đầu tiên dưới thời vua Gia Long và được chép trong *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* (từ đây gọi là *Hội điển*): “Lúc quốc sơ lệ định cung giai: 3 phi là Quý phi, Minh phi, Kính phi. 3 tu là Tu nghi, Tu dung, Tu viên. 9 tần là Quý tần, Hiền tần, Trang tần, Đức tần, Thục tần, Huệ tần, Lệ tần, An tần, Hòa tần. 3 chiêu là Chiêu nghi, Chiêu dung, Chiêu viên, 3 sung là Sung nghi, Sung dung, Sung viên, 6 chức là Tiệp dư, Dung hoa, Nghi nhân, Tài nhân, Linh nhân, Lương nhân” [5, t.6, tr.163-164].

Thứ bậc phi, tần dưới triều vua Gia Long có sự tham khảo điển chế thời Minh (Trung Quốc) và thời Lê Sơ nhưng lại sửa đổi một cách khó hiểu, không rõ ràng. Dưới triều Lê Sơ, vua Lê Thánh Tông đặt ra chế độ hậu cung đứng đầu là Tam phi³, dưới Tam phi là Cửu tần⁴, dưới Cửu tần là Lục chức⁵. Theo *Hội điển* thì vua Gia Long giữ lại bậc Tam phi tương tự như quy định từ thời Lê Thánh Tông. Tuy nhiên, thời vua Lê Thánh Tông dưới Tam phi là lần lượt là Tam chiêu⁶, Tam tu⁷, Tam sung⁸ thì vua Gia Long lại đặt cao nhất là Tam tu sau đó mới đến Tam chiêu và

Tam sung. Ngoài ra, vua Gia Long còn đặt thêm bậc Cửu tần chen vào giữa Tam tu với Tam Chiêu, Tam sung là một điều khó hiểu. Các phong hiệu cho bậc Cửu tần dưới thời Gia Long khá giống nhà Minh⁹, tuy nhiên có sự khác biệt về thứ tự cũng như một số mỹ hiệu riêng biệt.

Một điều đáng lưu ý trong thứ bậc phi, tần thời Gia Long chính là việc cố định các mỹ hiệu đặt làm phong hiệu (Quý, Minh, Kính, Hiền, Trang, Đức...) tạo thành một dạng danh vị chính thức sử dụng xuyên suốt, qua đó phân định rạch ròi thứ bậc ngay cả trong bậc Tam phi và Cửu tần. Điều này nghĩa là dù cùng là bậc Tam phi nhưng Quý phi địa vị sẽ cao hơn Minh phi, Minh phi có địa vị cao hơn Kính phi. Tương tự, cùng là bậc Cửu tần nhưng Quý tần cao hơn Hiền tần, Hiền tần cao hơn Trang tần, Trang tần lại cao hơn Đức tần...

Có thể thấy, thứ bậc phi, tần thời vua Gia Long vẫn còn nhiều điểm bất cập, chưa thật rõ ràng. Vì vậy, năm 1836 vua Minh Mệnh xuống dụ cho rằng, trước đây tuy đã có vị hiệu nhưng cấp bậc vẫn chưa rõ rệt lắm vì thế “đặc cách châm chước xưa nay, đặt ra cách chức nội quan gồm có Cửu giai. (Trên Nhất giai, đặt một Hoàng quý phi để giúp Hoàng hậu là ngôi chủ quỹ trong cung, giữ nội chính cho được tề chỉnh. Quý phi, Hiền phi, Thần phi là Nhất giai. Gia phi, Thục phi, Huệ phi là Nhị giai. Quý tần, Hiền tần, Trang tần là Tam giai. Đức tần, Thục tần, Huệ tần là Tứ giai. An tần, Hoà tần, Lệ tần là Ngũ giai. Mỹ nhân là Bát giai. Tài nhân là Cửu giai)” [6, t.4, tr.863].

Như vậy, Cửu giai trong hậu cung triều Nguyễn kể từ thời Minh Mệnh trở về sau theo thứ tự: Nhất giai phi, Nhị giai phi, Tam giai tần, Tứ giai tần, Ngũ giai tần, Lục giai Tiệp dư, Thất giai Quý nhân, Bát giai

Mỹ nhân, Cửu giai Tài nhân. Dưới Tài nhân là Tài nhân vị nhập giai là những người được tuyển chọn để làm Tài nhân. Thứ bậc cuối cùng là cung nga và thể nữ đóng vai trò là người hầu cận phục dịch trong cung đình. Tuy nhiên, đây không phải là lần chỉnh đốn thứ bậc phi, tần cuối cùng của Minh Mệnh. Đến năm Minh Mệnh thứ 19 (1838), vua lại có sự thay đổi nhỏ về thứ bậc hậu cung như sau: “Nguyên trước định cung giai, Lệ tần, An tần, Hòa tần cùng là bậc 5 nay đổi làm An tần, Hòa tần, Lệ tần” [5, t.6, tr.166]. Cụ thể là, nếu năm 1836, trong Ngũ giai tần thứ tự từ cao xuống thấp sẽ là Lệ tần, An tần, Hòa tần thì nay thay đổi vị trí An tần đứng đầu, sau đó là Hòa tần và Lệ tần. Cũng trong dịp lần này, Minh Mệnh lại có sự thay đổi cụ thể như sau:

“Quý phi, Đoan phi, Lệ phi là Nhất giai. Thành phi, Tính phi, Thục phi là Nhị giai. Quý tần, Lương tần, Đức tần là Tam giai. Huy tần, Ý tần, Nhu tần là Tứ giai. Nhân tần, Nhã tần, Thuận tần là Ngũ giai. Tiếp dư là Lục giai, Quý nhân là Thất giai, Mỹ nhân là Bát giai, Tài nhân là Cửu giai, khiến cho nổi tiếng như ngọc cư hoàng, rõ đức tốt ở trong sử sách, để tỏ phong hóa tôn nghiêm ở nơi cung khố. Về điển lễ phong, bổng lệ, sắc áo mặc của bậc, đều tuân lệ trước mà làm” [5, t.6, tr.166-167]. Lần sửa đổi thứ bậc thứ hai này chỉ thay đổi vị hiệu chứ không thay đổi về điển lễ phong, lương bổng, trang phục hay lễ nghi.

Qua hai lần sửa đổi, thứ bậc cung giai dưới thời vua Minh Mệnh thay đổi như sau (Bảng 1):

Bảng 1: Thứ bậc phi, tần triều Nguyễn sau hai lần sửa đổi (1836, 1838)

Stt	Thứ bậc	Năm 1836	Năm 1838
1	Nhất giai	Quý phi, Hiền phi, Thân phi	Quý phi, Đoan phi, Lệ phi
2	Nhị giai	Đức phi (về sau đổi thành Gia Phi), Thục phi, Huệ phi	Thành phi, Tính phi, Thục phi
3	Tam giai	Quý tần, Hiền tần, Trang tần	Quý tần, Lương tần, Đức tần
4	Tứ giai	Đức tần, Thục tần, Huệ tần	Huy tần, Ý tần, Nhu tần
5	Ngũ giai	Lệ tần, An tần, Hòa tần	An tần, Hòa tần, Lệ tần về sau đổi thành: Nhân tần, Nhã tần, Thuận tần
6	Lục giai	Tiếp dư	Tiếp dư
7	Thất giai	Quý nhân	Quý nhân
8	Bát giai	Mỹ nhân	Mỹ nhân
9	Cửu giai	Tài nhân	Tài nhân

Bảng trên cho thấy, thay đổi năm 1838 của Minh Mệnh chỉ đặt lại mỹ hiệu trong Cửu giai mà thôi, còn thứ bậc trong Cửu giai không thay đổi. Nhất giai, Nhị giai vẫn là bậc phi, từ Tam giai tới Ngũ giai vẫn là bậc tần, từ Lục giai tới Cửu giai thì không có sự đổi khác. Sau này các vua kế tiếp như

Thiệu Trị, Tự Đức đều lấy nền tảng cải cách này của Minh Mệnh để định lại quy định trong Cửu giai cho phù hợp với hậu cung của mình. Nói cách khác, vua Minh Mệnh chính là người định hình chế độ Cửu giai của nhà Nguyễn trong suốt thời gian tồn tại cho tới năm 1884.

2.2. Lương, bổng

Bên cạnh việc định lại thứ bậc Cửu giai và thêm bớt một số mỹ hiệu thì trong thứ bậc phi, tần, các vua triều Nguyễn cũng chú ý tới việc ban cấp lương, bổng cho cung giai.

Chế độ lương, bổng của phi, tần được quy định lần đầu tiên dưới thời vua Gia Long năm 1802, *Hội điển* chép: “Bậc 1, lương năm, tiền 300 quan, gạo 180 phượng, trong số gạo ấy có 12 phượng gạo trắng. Bậc 2: lương năm tiền 280 quan, gạo 150 phượng. Bậc 3: lương năm tiền 260 quan, gạo 96 phượng. Bậc 4: lương năm tiền 240 quan, gạo 96 phượng. Bậc 5: lương năm tiền 200 quan, gạo 84 phượng. Bậc 6: lương năm tiền 180 quan, gạo 72 phượng. Bậc 7: lương năm tiền 150 quan, gạo 60 phượng” [5, t.5, tr.152].

Tuy nhiên, những quy định này chưa rõ ràng và hợp lí. Vì vậy, đến thời vua Minh Mệnh thì lương, bổng của Cửu giai được định lệ rõ ràng, mạch lạc và được chuẩn

hóa vào năm 1836 với quy định lương hằng năm và chi phí hằng tháng, có tầng bậc khác nhau: “Hoàng quý phi: hằng năm, 1.000 quan tiền, 300 phượng gạo; Nhất giai: hằng năm 500 quan tiền, 250 phượng gạo; Nhị giai: 450 quan tiền, 200 phượng gạo; Tam giai: 400 quan tiền, 180 phượng gạo; Tứ giai: 350 quan tiền, 140 phượng gạo; Ngũ giai: 320 quan tiền, 120 phượng gạo; Lục giai: 300 quan tiền, 100 phượng gạo; Thất giai: 280 quan tiền, 84 phượng gạo; Bát giai: 240 quan tiền, 60 phượng gạo; Cửu giai: 180 quan tiền, 48 phượng gạo” [6, t.4, tr.864].

Như vậy, Minh Mệnh đã cải cách và định lại chế độ lương bổng của phi, tần rành mạch và rõ ràng hơn so với thời kì trước. Chế độ lương, bổng này về cơ bản được được các vua Nguyễn sau Minh Mệnh tiếp tục áp dụng.

Có thể so sánh chế độ lương bổng cho phi, tần triều Nguyễn dưới thời vua Gia Long và Minh Mệnh như sau (Bảng 2).

Bảng 2: Lương, bổng cho phi, tần dưới thời vua Gia Long và Minh Mệnh

Thứ Bậc	Gia Long			Minh Mệnh		
	Tiền (quan)	Gạo (phượng)		Tiền (quan)	Gạo (phượng)	
		Gạo	Gạo trắng		Gạo	Gạo trắng
Hoàng quý phi				1.000	300	50
Nhất giai	300	180	12	500	250	45
Nhị giai	280	150	12	450	200	40
Tam giai	260	96	12	400	180	40
Tứ giai	240	96	12	350	140	35
Ngũ giai	200	84	12	320	100	30
Lục giai	180	72	12	300	100	25
Thất giai	150	60	12	280	84	20
Bát giai				240	60	18
Cửu giai				180	48	12

So sánh có thể thấy, chế độ lương, bổng giữa hai thời kì vua Gia Long và Minh Mệnh có sự khác nhau. Với cái cách năm 1836 thì lương, bổng của Cửu giai đã được định hình rõ rệt. Nếu so sánh với thời Gia Long thì lương, bổng của phi, tần thời vua Minh Mệnh có phần cao hơn khá nhiều. Ví dụ, thời Gia Long tiền lương của Nhất giai mỗi năm chỉ có 300 quan, gạo 180 phượng, trong đó có 12 phượng gạo trắng, thì Nhất giai dưới thời vua Minh Mệnh lương một năm là 500 quan, gạo 250 phượng, trong đó có 45 phượng gạo trắng, cao gần gấp đôi so với Nhất giai thời Gia Long. Ngoài ra, thời vua Minh Mệnh còn quy định lương, bổng của Hoàng quý phi. Hoàng quý phi chính là người được vua sủng ái nhất, đứng trên Cửu giai làm nhiệm vụ quản lí hậu cung (tương đương với Hoàng hậu). Với lương, bổng cao nhất mỗi năm 1.000 quan tiền, gạo 300 phượng, cao gấp đôi nhất giai và gấp khoảng 6 lần so với Cửu giai Tài nhân (Bảng 2). Chính vì sự chênh lệch lớn về quyền lợi vật chất như vậy nên trong hậu cung các phi, tần luôn luôn muốn giành lấy sự sủng ái của Hoàng đế để có được ngôi vị cao trong hậu cung.

2.3. Trang phục

Về trang phục của phi, tần, cung nữ cũng được định rõ ràng, trong *Hội điển* có ghi chép rất rõ ràng về kiểu mũ, màu sắc quần áo của từng cấp độ cung giai. Trong đó, trang phục của Hoàng thái hậu và Hoàng hậu là rực rỡ, lộng lẫy nhất. Phần mũ của Hoàng hậu được gọi là “mũ Cửu phượng”, *Hội điển* chép rằng: “Mũ 9 con phượng, thân mũ dùng lông đuôi ngựa, mở chỗ búi tóc. Trán mũ đều trang sức hình rồng bò phượng lượn bằng vàng tốt, mỗi thứ 9 con, 9 miếng bòn khoan bằng bạc, 1 mảnh cặp

tóc chạm mây và hoa, 1 mảnh bạc sơn, 12 cành hoa con bướm, bức trâm hoa 4 đoá, phía trước thắt 2 cành giầy leo bọc tóc 1 vòng 4 đoá hoa mai, 2 đoạn hoa dây leo để trang sức chỗ chân tóc, 1 mảnh cầu đằng sau phôi hình con phượng bằng vàng bọc 1 đoạn sợi, 4 cái ống trâm bằng bạc, đều chuỗi ngọc trân châu hạng nhỏ 198 hạt để kết dải rủ xuống, khảm các hạng pha lê 231 hạt. Khăn bít trán bằng đoạn đậu 8 sợi tơ nồn màu thiên thanh, trong lót lĩnh đại tào màu vàng chính, đều trang sức 4 cái khuyên vàng tốt, 4 sợi giầy tơ” [5, t.6, tr.189]. Mũ của Hoàng thái hậu cũng là “mũ Cửu phượng” tuy nhiên khác một chút đó là “ở trán có 1 vòng đai bằng vàng tốt” [5, t.6, tr.190]. Có nghĩa rằng, duy nhất mũ của Hoàng thái hậu là được khảm chuỗi ngọc châu và khảm kính tùy theo ý muốn của Hoàng thái hậu. Đây có lẽ là một đặc ân lớn của Hoàng đế cho chính mẫu thân của mình.

Về trang phục của Hoàng thái hậu và Hoàng hậu cũng có những điểm đặc biệt. Hoàng bào của Hoàng hậu được may bằng “đoạn đậu 8 sợi tơ nồn sắc vàng chính thêu hoa đoàn phượng (là hoa bông tròn trong có 2 hình con phượng), thủy hạ, trong lót trừu hoa và chim phượng, bốn bông hoa màu đỏ. Cổ áo bằng nhiều lai lộ màu tuyết trắng, lĩnh trắng bóng” [5, t.6, tr.190]. Trong khi đó, hoàng bào của Hoàng thái hậu lại dùng “sa mỏng màu vàng chính, dệt 5 về thêu chữ thọ bằng vàng, thời hoa thủy ba xen lẫn ngọc san hô, hạt kim kính tây, trong lót trừu hoa, sắc đỏ, sa mỏng có hoa” [5, t.6, tr.190].

Ngoài mũ, áo là những trang phục chính thì còn có xiêm. Đây là loại trang phục mặc ở dưới áo để che quần đằng trước. Xiêm của mỗi cấp độ cung giai cũng có sự khác nhau, của Hoàng hậu “xiêm bằng đoạn đậu 8 sợi tơ màu tuyết sen lẫn hoa đoàn phượng bằng vàng, lót và đai lưng bằng lụa Cao bộ, màu

tuyết trắng” [5, t.6, tr.190]. Xiêm của Hoàng thái hậu cũng được may bằng “đoạn đậu 8 sợi tơ nõn có hoa, màu đỏ, thêu đoạn phượng, thời hoa thủy ba, điểm lằn kim kính tây, đoạn gấm thêu dây leo nền bằng vàng, trong lót sa hoàng quế liền mảnh áo lụa trắng” [5, t.6, tr.190].

Bên cạnh xiêm thì đai cũng rất quan trọng, đây là một loại thắt lưng được trang trí rất cầu kì, đai của Hoàng hậu là loại “đai vàng, thân bằng sa trúc màu chín kĩ bọc đoạn đậu 8 sợi tơ nõn màu vàng chính đều trang sức bằng các hình biểu vuông màu vàng tốt, cộng 18 mảnh và lót mặt kính khảm hoa vàng trở trống, 2 cái móc vàng” [5, t.6, tr.190].

Cuối cùng là bí tất và hài tuy là vật dụng nhỏ nhưng cũng được quy định rõ ràng về màu sắc và kiểu cách trang trí. Hài của Hoàng hậu bằng “tơ lông màu đỏ, thêu con phượng màu lục. Bí tất dùng lĩnh bóng nam, màu tuyết trắng” [5, t.6, tr.190]. Còn của Hoàng thái hậu thì hài bằng “tơ lông vàng, thêu con phượng xen lẫn ngọc san hô, trân châu. Bí tất bằng lĩnh trắng bóng, màu tuyết trắng lót trều nõn có hoa màu đỏ, khâu kíp bằng sợi bông và 2 cái dây bằng trều nõn có hoa màu đỏ” [5, t.6, tr.190].

Về trang phục của các cấp bậc cung giai cũng được ghi chép kĩ lưỡng và quy định rõ ràng dưới thời Gia Long như sau: “Gia Long năm thứ 6 (1807), phụng soạn các hạng mũ áo kính tiến Hoàng hậu dùng: Mũ chín con rồng cặp tóc bằng vàng 2 chiếc, mũ 9 con phượng, cặp tóc bằng vàng 1 chiếc, trâm con phượng 8 cái, áo sa sợi màu vàng thêu rồng, phượng, chim trĩ, chim loan 20 chiếc, áo bào bằng tơ đậu 8 sợi, màu đỏ thêu rồng, phượng 1 chiếc, xiêm bằng tơ đậu 8 sợi, màu trắng thêu rồng phượng 1 chiếc.

Lại ban thưởng mũ áo cho tả hữu cung tần:

Cung tần bậc nhì: mũ 5 con phượng, cặp tóc bằng vàng 1 chiếc, trâm hoa 10 chiếc, áo sa sợi tơ màu đỏ dệt đoàn loan (hoa bông tròn trong có hình chim loan) nhật bình 1 chiếc. Xiêm bằng tơ đậu 8 sợi, màu trắng, dệt đoàn loan 1 chiếc.

Cung tần bậc ba: mũ 3 con phượng, cặp tóc bằng vàng 1 cái, trâm hoa 8 cái. Áo sa sợi tơ sắc tía chính, dệt đoàn phượng nhật bình một chiếc. Xiêm bằng tơ đậu 8 sợi, màu trắng, dệt đoàn loan.

Cung tần bậc bốn: Mũ 1 con phượng, cặp tóc bằng vàng 1 chiếc, trâm hoa 8 chiếc, áo sa sợi tơ sắc tía nhạt, dệt đoàn loan nhật bình 1 chiếc. Xiêm bằng tơ đậu 8 sợi, màu trắng, dệt chim loan 1 chiếc” [5, t.6, tr.191-192].

Nguồn sử liệu trong *Hội điển* cho thấy, những quy định ngặt nghèo về trang phục trong hậu cung triều Nguyễn. Loại vải may đều phải sử dụng chất liệu thượng hạng, đề tài trang trí cũng được phân định theo thứ bậc, mũ của Hoàng hậu có 9 con rồng, 9 con phượng trong khi đó mũ của Hoàng thái hậu chỉ có 9 con phượng, các cấp bậc cung giai tùy theo địa vị mà mũ có từ 1 con phượng đến 8 con phượng. Trên trang phục của Hoàng hậu và Hoàng thái hậu cũng được trang trí những họa tiết đặc biệt với hình đoàn phượng với những đường thêu mũi chỉ cực kì công phu thì những họa tiết trang trí chim phượng trên áo cung giai chỉ là những nét giản lược cách điệu với số lượng châu ngọc đính kèm theo cũng ít hơn rất nhiều. Sự phân biệt về màu sắc, kiểu cách trang trí, cách thức trang phục nhằm để phân biệt giai tầng, thứ bậc của người sử dụng, qua đó thể hiện quyền lực của người sử dụng trong hậu cung (Bảng 3).

Bảng 3: Quy định mũ, áo, xiêm của hậu phi dưới thời vua Gia Long (1807) [5, t.6]

Cấp bậc	Mũ	Áo	Xiêm
Hoàng thái hậu	9 con phượng	Áo bào dùng sa mỏng màu vàng chính, dệt 5 về thêu chữ thọ bằng vàng, thoi hoa thủy ba xen lẫn ngọc san hô, hột kim kính tây, trong lót trù hoa, sắc đỏ, sa mỏng có hoa.	Xiêm bằng đoạn đậu 8 sợi tơ nỡn có hoa, màu đỏ, thêu đoạn phượng, thoi hoa thủy ba, điểm lẫn kim kính tây, đoạn gấm thêu dây leo nền bằng vàng, trong lót sa hoàng quế liền mảnh áo lụa trắng.
Hoàng hậu	9 con phượng	Áo Hoàng hậu bằng đoạn đậu 8 sợi tơ nỡn sắc vàng chính thêu hoa đoàn phượng áo bào bằng tơ đậu 8 sợi, màu đỏ thêu rồng, phượng 1 chiếc.	Xiêm bằng đoạn đậu 8 sợi tơ màu tuyết sen lẫn hoa đoàn phượng bằng vàng, lót và đai lưng bằng lụa Cao bộ, màu tuyết trắng.
Cung giai bậc nhì	5 con phượng	Áo sa sợi tơ màu đỏ dệt đoàn loan nhật bình.	Xiêm bằng tơ đậu 8 sợi, màu trắng, dệt đoàn loan.
Cung giai bậc ba	3 con phượng	Áo sa sợi to sắc tía chính dệt đoàn phượng nhật bình.	Xiêm bằng tơ đậu 8 sợi, màu trắng, dệt đoàn loan.
Cung giai bậc bốn	1 con phượng	Áo sa sợi to sắc tía nhạt, dệt đoàn loan nhật bình.	Xiêm bằng tơ đậu 8 sợi, màu trắng, dệt chim loan 1 chiếc.

2.4. Nơi ở

Bên cạnh những quy định về cấp bậc, lương bổng, quần áo trang phục thì nơi ăn ở sinh hoạt của hậu phi cũng được quy định rõ ràng. Tất cả những sinh hoạt của hậu phi triều Nguyễn được thực hiện trong Tử Cấm Thành. Mặc dù các phi, tần, cung nữ sinh hoạt trong Tử Cấm Thành nhưng nơi ở của mỗi cấp bậc cung giai đều được quy định cụ thể, thể hiện vị trí quyền lực và mức độ ân sủng của Hoàng đế dành cho phi, tần đó. Cũng vì số lượng phi tần, cung nữ khá đông cho nên các vua triều Nguyễn đã phải quy

định xây cất tam cung, lục viện để phân định rõ ràng thứ bậc.

Hệ thống tam cung gồm: cung Diên Thọ, cung Trường Sanh và cung Khôn Thái. Đây là các công trình phục vụ cho sinh hoạt và là nơi ở của những người có quyền lực nhất nhì hậu cung.

Cung Diên Thọ nằm ở phía tây bắc trong Hoàng thành, phía trước là cung Trường Sanh, phía sau là điện Phụng Tiên. Đây là nơi ở của các Hoàng thái hậu hoặc Thái Hoàng thái hậu triều Nguyễn.

Cung Trường Sanh cũng nằm ở góc tây bắc trong Hoàng thành, ở sau cung Diên Thọ. Cung được khởi công từ năm 1821

dưới thời Minh Mệnh với tên ban đầu là Trường Ninh. Cung được xây dựng theo lối kiến trúc kiểu hoa viên, ban đầu chỉ là nơi vua Nguyễn mời mẫu thân đi thưởng ngoạn cảnh đẹp, cho tới đời vua Đồng Khánh thì được tu sửa và sử dụng làm nơi ở và sinh hoạt của một số bà Hoàng thái hậu hoặc Thái Hoàng thái hậu.

Trong hệ thống tam cung, chỉ có duy nhất cung Khôn Thái là công trình nằm trong khu vực quần thể kiến trúc Tử Cấm Thành. Cung Khôn Thái nằm sau điện Càn Thành, được xây dựng từ thời Gia Long (1804) chỉ cách chỗ ở của vua 1 cái sân, đây là chỗ ở của Hoàng quý phi (người được Hoàng đế yêu thương nhất cũng là người duy nhất được sắp xếp ở gần chỗ ở của vua). Điện chính của cung này là điện Cao Minh Trung Chính.

Hệ thống lục viện bao gồm: viện Thuận Huy, viện Đoan Thuận, viện Đoan Hòa, viện Đoan Huy, viện Đoan Tường, viện Đoan Trang. Đây là các chỗ ở của các bà phi cấp bậc từ Nhất giai cho tới Cửu giai.

Khoảng giữa hai điện Càn Chánh và Càn Thành về bên phải có điện Trinh Minh được xây dựng năm 1810 là nơi ở của các bà Nhất và Nhị giai phi.

Viện Thuận Huy nằm ở bên phải điện Càn Thành và điện Cao Minh Trung Chính đây là chỗ ở của các bà Tân (Tam và Tứ giai tần).

Phía tây viện Thuận Huy có 5 viện nữa là: viện Đoan Thuận (nằm phía sau và song song với viện Đoan Huy), viện Đoan Hòa (nằm song song với điện Kiến Trung sau này), viện Đoan Huy, viện Đoan Tường, viện Đoan Trang (phía sau thẳng với viện Thuận Huy) là chỗ ở của các cung phi mới nhập cung gồm các bậc Tiệp dư, Quý nhân, Mỹ nhân, Tài nhân và Tài nhân vị nhập

giai. Trong thời gian mới vào cung, các phi, tần cung nữ phải vào viện Đoan Trang để học các phép tắc ứng xử, luật lệ trong cung. Kể từ khi được tuyển vào cung thì các phi, tần hoàn toàn cách biệt với thế giới bên ngoài. Số lượng phi, tần được vua sủng ái rất ít, còn phần lớn phải chịu cuộc sống mòn mỏi chờ chôn vùi tuổi xuân trong lục viện mà không có sự đoái hoài của Hoàng đế, thậm chí cả đời không được thấy mặt rồng, may mắn lắm mới được phục vụ Hoàng đế một hoặc hai lần mà thôi.

2.5. Lăng mộ

Không chỉ quy định rõ ràng về nơi ăn ở, sinh hoạt, vua Minh Mệnh còn đặt ra cả quy định về cách thức nhà thờ và xây dựng lăng mộ cho phi, tần. Theo đó thì nhà thờ và lăng mộ của Nhất giai tới Nhị giai sẽ có kích thước lớn nhất với quy định: “Trong xây, tường gạch cao 4 thước 1 tấc, chiều dài 2 trượng 7 thước, chiều ngang rộng 2 trượng 7 tấc, ngoài xây tường gạch cao 4 thước 5 tấc, dài 5 trượng 4 thước, ngang rộng 4 trượng 5 thước, mặt trước chính giữa xây một cửa, cửa dùng gỗ sơn đỏ, phía trong cửa, trước bình phong dựng bia đá khắc những chữ: “mỗ phi mỗ thị chi tẩm”. Trước cửa xây thêm sân để lễ 3 cấp, mỗi cấp rộng 6 thước, mặt trước và tả hữu xây lan can cao 1 thước 8 tấc, chung quanh giới hạn cắm đều cách 20 trượng, chỗ giáp giới xây cột gạch để nhớ giới hạn” [6, t.5, tr.327].

Từ Tam giai tới Ngũ giai sẽ có kích thước nhỏ hơn với quy định: “nhà thờ ở lăng, trong xây tường gạch cao 3 thước 6 tấc, dài 2 trượng 3 thước, rộng 2 trượng 3 tấc, ngoài xây tường gạch cao 4 thước 1 tấc, rộng 4 trượng 5 thước, chiều ngang 3 trượng 6 thước, phía trước bên trong cửa ở

trước bình phong, có bia đá, khắc chữ: “mỗ tằm mỗ thị chi tằm”, chung quanh giới cấm đều 12 trượng” [6, t.5, tr.327].

Trong đó từ Lục giai tới Cửu giai sẽ là nhỏ nhất với quy định: “các mộ trong xây tường gạch cao 3 thước 2 tấc, dài 2 trượng 1 thước, chiều ngang 1 trượng 8 thước, bên ngoài tường gạch cao 4 thước, dài 3 trượng 6 thước, chiều ngang 3 trượng 2 thước, cửa mặt trước ở trước bình phong có bia đá khắc chữ: “Tiếp dư hoặc Quý nhân, Mỹ nhân, Tài nhân, mỗ thị chi mỗ”. Chung quanh giới hạn đều 8 trượng” [6, t.5, tr.327-328].

3. Địa vị

Hậu cung triều Nguyễn luôn có một số lượng phi, tằm đông đảo mặc dù sống trong cuộc sống nhung lụa, không phải lo lắng về cơm ăn áo mặc nhưng số phận của mỗi cung tằm được tuyển lựa vào cung cấm lại rất khác nhau. Một trong những yếu tố quyết định số phận và sự quan tâm của Hoàng đế đó chính là xuất thân của phi, tằm. Các phi, tằm được vua sủng ái bậc nhất thường là con của những vị quan đại thần có tiếng tăm trong triều đình. Ngoài ra, cung nữ còn có xuất thân là con của những hào trưởng địa phương giàu có trong vùng. Tuy nhiên, số lượng này khá ít và hầu như sau khi vào cung thì đều không có được sự ân sủng của Hoàng đế.

Chính bản thân các vua Nguyễn cũng không thích thú gì khi phải có cả trăm bà vợ như thế. Bài báo của Chaigneau đăng trong tờ *Le Moniteur de la Flotte* xuất bản năm 1858 đã miêu tả sinh động cuộc trò chuyện của vị quan người Pháp với Hoàng đế Gia Long mà qua đó nói lên tâm trạng của một

vị vua đối với trôn hậu cung phức tạp. Trong một buổi bệ kiến riêng sau một hội nghị quan trọng, vua Gia Long đã tâm sự với vị quan người Pháp Chaigneau rằng sau mỗi buổi thiết triều giải quyết trăm công nghìn việc về chính trị và hành chính hàng ngày rất mệt mỏi nhưng bản thân sau đó cũng không hề được nghỉ ngơi. Vua Gia Long chỉ vào hậu cung mà nói: “Khanh sẽ không ngờ rằng cái gì đợi trẫm ở đằng kia khi trẫm rời khỏi đây. Ở đây trẫm được hài lòng vì trẫm nói chuyện với những người xứng đáng, họ lắng nghe trẫm, họ hiểu biết trẫm và khi cần họ vâng lệnh trẫm. Còn ở đằng kia, trẫm gặp phải một lũ quỷ sứ thật sự. Chúng cãi vã nhau, ngược đãi nhau, phỉ báng nhau và sau đó tất cả cùng chạy đến cầu xin trẫm phân xử. Nếu làm đúng thì trẫm sẽ luôn khiển trách tất cả vì trẫm không biết ai nhường nhịn ai trong cơn giận dữ” [1, tr.10-11]. Thậm chí vua Gia Long còn đóng giả điệu bộ và giọng nói của một người cung phi trong lúc giận dữ khiến vị quan người Pháp cười ngất: “Muôn tâu bệ hạ, xin bệ hạ phân xử, bà ta đã sỉ nhục thần thiếp, người ta ngược đãi thần thiếp, thần thiếp xin phân xử” [1, tr.11]. Vua Gia Long vừa giả giọng vừa kể lể rằng không chỉ có vậy mà sau đó chừng 12 bà khác lại bỏ đến làm vị vua này đau đầu nhức tai: “Muôn tâu bệ hạ, Hoàng hậu ghét bỏ thần thiếp... Bà đã làm vui lòng bệ hạ... Đến lượt thần thiếp xin phân xử” [1, tr.11]. Trước tâm sự của Gia Long, vị quan người Pháp có đề nghị nhà vua nên giảm bớt số lượng cung phi thì ngay lập tức vua Gia Long ngăn cản và cho hết người hầu cận ra bên ngoài rồi mới nói: “Nếu để các quan đồng liêu của khanh nghe được điều mà khanh vừa mới nói ra đó, họ sẽ trở thành những kẻ thù vĩnh viễn của khanh, khanh không biết rằng các cung phi hầu hết đều là con gái của các quan ư? Nay,

mặc dù số tuổi của trăm đã đáng kể, nhưng không bao lâu nữa, một vị quan sẽ dâng hiến cho trăm con gái ông ta, trăm không thể từ chối được, vì như thế trăm sẽ làm ông ta vô cùng đau đớn. Ở đây chính là một vinh dự và một sự đặc ý đối với một ông quan có con gái được vào Hoàng cung, và đối với trăm, đó là một sự đảm bảo chắc chắn nhất về lòng trung thành của ông ta” [1, tr.11-12].

Phi, tần triều Nguyễn muốn được sủng ái hay không đại để phải có bốn điều kiện tiên quyết.

Thứ nhất là có đức. Quan niệm của lễ giáo phong kiến nhấn mạnh chính tâm, thành ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Đó cũng là nguyên nhân mà các vị Hoàng đế của triều Nguyễn đều có vợ trước khi lên làm vua, người phụ nữ được chọn làm vợ vua trước hết phải có đạo đức. Vấn đề đạo đức của người phụ nữ trong lễ giáo phong kiến đó là đức hạnh, trinh tiết, biết hổ thẹn, biết quy tắc, biết thủ tiết chính tề. Chúng ta có thể thấy những bậc phi, tần được sủng ái nhất trong giai đoạn 1802-1883 hội đủ những yếu tố này.

Thứ hai là có sắc. Trong suốt thời kỳ trị vì của nhà Nguyễn nói chung và thời kỳ trị vì của vua Gia Long và Minh Mệnh nói riêng chưa thấy một vị Hoàng đế nào chỉ trọng đức mà không hiếu sắc. Sắc cũng là một yếu tố quan trọng để bất cứ người phụ nữ nào muốn tấn cung.

Thứ ba là có con. Điều này không thể phủ nhận, chúng ta có thể thấy việc sinh cho Hoàng đế một đứa con mà đặc biệt nếu là con trai thì mức độ ân sủng sẽ được tăng lên nhiều lần. Thậm chí chỉ nhờ đứa con ấy mà được phi, tần đó đi lên được nấc thang cao nhất trong hậu cung, trở thành mẫu nghi thiên hạ.

Vua Gia Long có hai bà vợ được vua cực kì yêu mến. Một là bà Thừa Thiên Cao Hoàng hậu Tống Thị Lan cũng là người sinh cho vua 2 hoàng tử: Nguyễn Phúc Chiêu (mất sớm) và Nguyễn Phúc Cảnh. Bà thứ hai là Thuận Thiên Cao Hoàng hậu Trần Thị Đang cũng sinh được 3 hoàng tử: Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, Kiến An Vương Nguyễn Phúc Đài, Thiệu Hóa Quận Vương Nguyễn Phúc Chân.

Vua Minh Mệnh cũng không ngoại lệ, những người phụ nữ được vua yêu thương nhất cũng là người phụ nữ có vị trí cao nhất nhì hậu cung. Bà Tá Thiên Nhân Hoàng hậu sinh ra vua Thiệu Trị. Hay bà Hiền Phi Ngô Thị Chính hạ sinh 9 người con cho Minh Mệnh trong đó có 5 hoàng tử và 4 công chúa. Điều đó chứng tỏ việc có con với Hoàng đế là một yếu tố quan trọng trong việc có giành được sự ân sủng của Hoàng đế hay không.

Thứ tư là phải có thế. Hôn nhân của Hoàng đế đa phần không phải do tình cảm quyết định. Phi, tần được đưa vào cung tiến dâng là có mục đích rõ ràng, đều xoay quanh cái trục phục vụ cho sự lớn mạnh và quyền lợi nhà vua. Vì vậy, các vị đại quan trong triều đình có thế lực nằm trong tập đoàn thống trị trở thành đối tượng chủ yếu của hôn nhân hoàng tộc. Vợ vua Gia Long hay Minh Mệnh đều là những người có xuất thân gia thế hiển hách. Cha thường làm những chức quan to trong triều đình và có công lao rất lớn. Vì vậy, gia thế của phi, tần cũng quyết định một phần quan trọng trong việc dành được bao nhiêu phần sự yêu mến của Hoàng đế.

Căn cứ vào những ghi chép trong *Nguyễn Phúc tộc thế phả* thì tất cả các phi, tần được sủng ái vào bậc nhất nhì ở tất cả các triều vua Nguyễn đều xuất thân từ gia đình quan lại có tiếng (Bảng 4).

Bảng 4: Một số phi, tần được sủng ái dưới thời nhà Nguyễn [4]

Triều vua	Tên phi tần	Xuất thân	Vị trí
Gia Long	Tống Thị Lan	Quê Tống Sơn, Thanh Hóa, con gái thứ 3 của Quy Quốc Công Tống Phúc Khuông. Người làng Văn Xá, huyện Hương Trà, Thừa Thiên, con gái của Thọ Quốc công Trần Hưng Đạt.	Thừa thiên cao Hoàng hậu Thuận Thiên Cao Hoàng hậu
	Trần Thị Đang		
Minh Mệnh	Hồ Thị Hoa	Người huyện Bình An, Biên Hòa, con gái Phúc Quốc công Hồ Văn Bôi,	Tá thiên nhân Hoàng hậu
	Ngô Thị Chính	Người huyện Đăng Xương (Quảng Trị), con Chuông cơ Ngô Văn Sở.	Hiền phi

Các phi, tần được tiến cung phần lớn đều xuất thân danh giá, cha làm quan lớn trong triều. Bên cạnh việc đảm bảo lòng trung thành như vua Gia Long đã đề cập thì chắc chắn rằng, nhu cầu có thể thăng quan tiến chức, nhận được nhiều lợi lộc hơn của quan lại từ việc có con gái làm vợ vua trong cung cũng không thể phủ nhận. Chẳng hạn như trường hợp Quy Quốc Công Tống Phước Khuông là cha của Hoàng hậu Tống Thị Lan. Tống Phước Khuông giữ chức Thái bảo tước Quận công, ông quyết chí theo phò triều Nguyễn, từng giữ chức Chuông dinh cùng với Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Thành giúp Nguyễn Ánh xây dựng cơ đồ. Công lao to lớn của ông là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, việc có con gái được vua Gia Long gia phong Hoàng hậu thì ông và gia quyến còn nhận được nhiều ưu đãi, ngay cả khi đã từ trần. Năm 1804, Gia Long đã truy tặng Tống Phước Khuông là “Ngoại tá chuông dinh kiêm chuông sứ Khuông quận công Tống Phước Khuông làm Suy trung dục vận công thần đặc tiến khai phủ phụ quốc thượng tướng quân thượng trụ quốc thái bảo Khuông quốc công, thụy là Cung ý; tở là Nội hữu chuông cơ kiêm

Công bộ chuông sứ sự Thành tín hầu Tống Phước Thành làm Tán trị công thần đặc tiến khai phủ phụ quốc thượng tướng quân thượng trụ quốc chuông dinh Thành quận công, thụy là Đôn Chất; tằng tổ là Nội hữu cai cơ Dương trung hầu Tống Phước Dương làm Đồng đức công thần đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân thượng trụ quốc chuông cơ Dương quận công, thụy là Chất Trực; cao tổ là Chính dinh cai cơ Đức nghĩa hầu Tống Phước Đức làm Dương võ công thần quang tiến trấn quốc đại tướng quân Cẩm vệ chuông vệ sự chuông cơ, thụy là Uy Dũng. Dời mộ Thái bảo Khuông quốc công đến Long Hồ. Ngày táng, vua thân đến đưa” [6, t.1, tr.602-603].

Năm Minh Mệnh thứ 5 (1824), vua đã xuống dụ ban cấp thêm ruộng tự điền cho Quốc công Tống Phước Khuông, cha của Hoàng hậu Tống Thị Lan, dụ rằng: “Đầu đời Gia Long truy phong tước cao là Quốc công vinh danh hiển hiện tướng đã cùng cực, duy ruộng tự điền còn chưa miễn thuế. Trẫm nghĩ yêu từ người thân, phải nên báo nghĩa. Vậy số ruộng cũ là hơn 97 mẫu, cấp thêm hơn 2 mẫu quan điền cho đủ số là 100 mẫu, đặt làm tự điền của Tống Quốc công,

miễn thuế mãi mãi, khiến con là Đô thống chế Tống Phước Lương giữ việc tế tự suốt đời” [6, t.2, tr.357].

Cũng trong năm 1824, vua Minh Mệnh đã truy tặng ba đời của Tống Quốc công phu nhân Lê thị (mẹ của Hoàng hậu Tống Thị Lan): “Đầu đời Gia Long dựng nhà thờ ở xã An Quán, cấp tự điền để thờ cúng, đến nay đặc cách gia ơn, truy tặng cha phu nhân là Lê Văn Hưng làm Phấn võ tướng quân khinh xa úy Thần sách Phó vệ úy, vợ cả Nguyễn thị làm Thục nhân; ông phu nhân là Lê Văn Phụng làm Tín nghĩa Đô úy phó thần quân hiệu phó quản cơ, vợ cả Nguyễn thị làm Cung nhân; tăng tổ phu nhân là Lê Văn Ninh làm Kiến công Đô úy phó hộ quân hiệu Trung quân Cai đội, vợ cả Nguyễn thị làm Nghi nhân” [6, t.2, tr.379].

Trường hợp của Tá Thiên Nhân Hoàng hậu Hồ Thị Hoa vợ vua Minh Mệnh cũng không ngoại lệ. Hồ Thị Hoa là con gái của Phúc Quốc Công Hồ Văn Bôi. Hồ Văn Bôi từng theo chúa Nguyễn Phúc Ánh bôn ba lưu vong ở Vọng Các (Xiêm). Ông là tướng lĩnh tài giỏi xông pha trận mạc được phong tới chức Chương Cơ quản lãnh Tả nhất vệ. Ông mất năm 1804 sau khi cáo bệnh về hưu. Năm 1806, Hồ Thị Hoa - con gái ông được chọn làm vợ Đông cung Nguyễn Phúc Đảm (sau này là vua Minh Mệnh). Việc xuất thân từ gia đình quan lại cao cấp, lại là khai quốc công thần nên ngoài việc tính đôn hậu hiền hòa thì gia thế cũng là một yếu tố khiến Hồ Thị Hoa khá được Minh Mệnh sủng ái. Tuy nhiên, số mệnh đã không mỉm cười với Hồ Thị Hoa khi phải khép lại cuộc đời ở tuổi 17 sau khi hạ sinh Hiến tổ Chương Hoàng đế được 13 ngày.

Không chỉ có gia đình của phi, tần được tiến cung nhận được nhiều lợi ích mà thậm chí địa phương, quê hương nơi cung phi ấy sinh sống cũng nhận được nhiều đặc ân. Năm Minh Mệnh thứ 8 (1827), vua đã

xuống dụ miễn thuế cho xã Văn Xá là quê hương của Hoàng thái hậu Trần Thị Đang, dụ rằng: “Năm nay kính gặp tiết Lục tuần đại khánh của Hoàng thái hậu, trăm rộng suy hiếu trị, ban khắp mưa ơn, thần dân trong ngoài không ai là không được thấm. Nghĩ xã Văn Xá là làng quê mẹ, điển ban ơn nên đặc biệt hơn. Vậy cho miễn thuế điền thổ 5 năm, bắt đầu từ năm nay” [6, t.2, tr.587].

4. Kết luận

Nghiên cứu lịch sử chế độ quân chủ triều Nguyễn sẽ là rất thiếu sót nếu như không nhắc đến chế độ hậu phi. Chế độ hậu phi triều Nguyễn lấy Hoàng đế làm trung tâm, tuân theo trật tự đẳng cấp tôn ti với thứ bậc nghiêm ngặt, danh phận và chức trách rõ ràng. Những nhân vật quan trọng nhất trong chế độ hậu phi là Hoàng quý phi và các phi, tần.

Danh phận của phi, tần triều Nguyễn được thể hiện rõ nét ở cấp bậc mà phi, tần đó được thụ hưởng. Đi kèm với cấp bậc đó là những ưu đãi về lương bổng, nơi ăn ở sinh hoạt, quy cách trang phục và quan trọng nhất là quyền lực mà phi, tần đó nắm giữ tương đương với cấp bậc tương xứng. Để có được địa vị ở trong cung nhìn chung phi, tần phải có 4 điều kiện tiên quyết: đức, sắc, con và thế. Lễ giáo chế độ quân chủ rất coi trọng đức hạnh của người phụ nữ, vì thế phi, tần nhất định phải tự sửa mình, ân nhu cần kiệm, đoan trang thục nữ. Bên cạnh việc có đức thì việc phi, tần phải có sắc là điều đương nhiên. Người xưa có câu “Anh hùng khó qua ái mỹ nhân”, điều này không ngoại lệ đối với Hoàng đế. Sau khi có được sự ân ái của Hoàng đế rồi thì việc sinh cho vua một đứa con mà đặc biệt nếu là con trai thì mức độ ân sủng và quan tâm của Hoàng đế sẽ cao lên gấp bội. Có khi chỉ

cần một hoàng tử được sinh ra đã là một bước đệm vô cùng lớn để phi, tần bước lên bậc “mẫu nghi thiên hạ”. Cuối cùng là gia thế của hậu phi cũng là điều đáng lưu ý bởi hầu như những phi, tần ở trong cung đều là do các quan trong triều cung tiến con gái của mình. Địa vị của vị quan cung tiến càng lớn thì cấp bậc cung giai của phi, tần đó càng cao. Đây cũng là một yếu tố vững chắc để phi, tần tiến nhanh trên con đường làm chủ hậu cung.

Thời Nguyễn, đến triều vua Minh Mệnh, chế độ hậu phi đã hoàn chỉnh một cách tương đối chặt chẽ, là nền tảng để cho các vua triều Nguyễn kế tiếp cải cách hậu cung của mình. Có lẽ cũng vì vậy mà tình trạng phi, tần tranh giành quyền lợi, địa vị, trù tính mưu mô làm khuynh đảo triều đình của các triều đại trước đã không còn nữa, thay vào đó là một hậu cung khá êm thấm. Đó có thể coi là thành công của chế độ quân chủ triều Nguyễn.

Chú thích

³ Tam phi: Quý phi, Minh phi, Kính phi.

⁴ Cửu tần: Quý tần, Hiền tần, Trang tần, Đức tần, Thục tần, Huệ tần, Lệ tần, An tần, Hòa tần.

⁵ Lục chức: Tiệp dư, Dung hoa, Tuyên vinh, Tài nhân, Lương nhân, Mỹ nhân.

⁶ Tam chiêu: Chiêu nghi, Chiêu Dung, Chiêu Viên.

⁷ Tam tu: Tu nghi, Tu dung, Tu viên.

⁸ Tam sung: Sung nghi, Sung dung, Sung viên.

⁹ Bạc Cửu tần nhà Minh được đặt ra từ thời Minh Thế Tông (1531) dựa theo lệ cổ đặt Đức tần, Hiền tần, Trang tần, Lệ tần, Huệ tần, An tần, Hòa tần, Hy tần, Khang tần làm bạc Cửu tần, địa vị chỉ dưới bậc Phi.

Tài liệu tham khảo

- [1] Tôn Thất Bính (1993), *Đời sống cung đình triều Nguyễn*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [2] Tôn Thất Bính (1996), *Đời sống trong Tử cấm thành*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [3] *Đại Nam hậu phi hoàng tử* (1925), Trần Phong Sắc dịch, Nhà in Xưa Nay.
- [4] Hội đồng trị sự Nguyễn Phúc tộc (1995), *Nguyễn Phúc tộc thế phả - Thủy tổ phả - Vương phả - Đế phả*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [5] Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, t.5, t.6, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [6] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, t.1, t.2, t.4, t.5, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Đắc Xuân (1994), *Chuyện các bà trong cung Nguyễn*, Nxb Thuận Hóa, Huế.